

## NGUYÊN NHÂN VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ BỎ HỌC CỦA HỌC SINH DÂN TỘC KHMER Ở HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Phạm Công Hữu và Thạch Ngọc Tuấn

Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 19/04/2016

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

### Title:

*Causes and factors effect to the school drop out of Khmer students at Tra Cu district in Tra Vinh province*

### Từ khóa:

*Dân tộc Khmer, giáo dục, nguyên nhân bỏ học, nhân tố ảnh hưởng*

### Keywords:

*Education, causes of school drop-out Khmer Ethnic, influential factors*

### ABSTRACT

*The school drop-out of Khmer students has affected sustainable society development in rural areas. The main objective of the study is to investigate causes, influential factors and possible solutions in order to improve the school drop out of Khmer students. Information and data were collected by Focus Group Discussion, Semi-Structured Interview and Household survey and also analyzed by descriptive statistics, multi-variables regression and matrix SWOT analysis. The study found that the main causes of school drop out of Khmer students were mainly in household 's hard economy, non-learning motivation, poor capacity of learning, non-full care of parents, low investment in education, learning material insufficiency and unhealthiness. Influential factors on the school drop out of Khmer students were low education of parents, many dependent labors, low incomes, old age of parents, far-away migration for finding jobs of parents, poor Vietnamese, non-full care of parents and unhealthiness. Therefore, there must be further researches to find possible solutions in order to overcome the consequences of school drop-out of Khmer students.*

### TÓM TẮT

*Sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer đã và đang ảnh hưởng đến phát triển xã hội bền vững ở các vùng nông thôn. Mục tiêu chính của nghiên cứu là điều tra nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp cải tiến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Thông tin và số liệu được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn bán cấu trúc và điều tra nông hộ, được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, hồi quy tương quan đa biến và ma trận SWOT. Nghiên cứu đã tìm thấy: nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là hộ kinh tế khó khăn, không có động cơ học tập và học lực yếu/kém, thiếu sự quan tâm của cha mẹ, đầu tư giáo dục thấp, thiếu phương tiện học tập và sức khỏe yếu. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là học vấn của cha và mẹ thấp, có nhiều lao động phụ thuộc, thu nhập thấp, tuổi của cha và mẹ cao, cha và mẹ phải đi làm ăn xa, tiếng Việt kém, thiếu sự quan tâm của cha mẹ và sức khỏe yếu. Vì vậy, cần có nghiên cứu sâu hơn để tìm giải pháp khả thi để khắc phục các hậu quả bỏ học của học sinh dân tộc Khmer trong tương lai.*

Trích dẫn: Phạm Công Hữu và Thạch Ngọc Tuấn, 2016. Nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44c: 45-55.

## 1 GIỚI THIỆU

Hiện nay, sự học sinh bỏ học là một vấn đề về giáo dục ở các cấp học phổ thông như Trung học phổ thông (THPT), Trung học cơ sở (THCS) và Tiểu học (TH) tại các vùng nông thôn của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer trước hết là một gánh nặng cho các hộ có con em bỏ học (Lê Thị Bích Ngân, 2011) và là mối đe dọa đến sự phát triển xã hội bền vững. Trong những năm gần đây, tỷ lệ bỏ học của học sinh (HS) phổ thông ở ĐBSCL chiếm tỷ lệ khá cao so với các khu vực khác trong cả nước. Thực tế tỷ lệ học sinh bỏ học năm học 2010-2011 của cả nước là 0,43%; trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học của ĐBSCL chiếm cao nhất 0,75%, thứ nhì là Tây Nguyên 0,71%, thấp nhất là đồng bằng sông Hồng 0,17% (Bộ giáo dục, 2011). Riêng tỷ lệ học sinh dân tộc Khmer bỏ học cao so với các dân tộc khác trong cả nước ở cả hai cấp học: THCS là 32,4%, THPT là 67,7%, học sinh dân tộc Mông ở cấp THCS và THPT lần lượt là 20,8% và 44% và thấp nhất là dân tộc Kinh ở cấp THCS là 7,9% và THPT là 30,8% (Cục Thống kê, 2010). Sự bỏ học của học sinh trong độ tuổi đi học là một gánh nặng của xã hội bởi vì sự bỏ học của học sinh sẽ trở thành nguồn lao động kém chất lượng mà xã hội phải cu mng, trong khi đất nước đang rất cần một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao và có kỹ năng nghề nghiệp thuần thực để đóng góp cho công cuộc xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Có nhiều nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở các cấp học phổ thông. Các nguyên nhân có thể đến từ hoàn cảnh của từng hộ gia đình, chính bản thân học sinh, cộng đồng, nhà trường và môi trường sống trong xã hội (Đặng Thị Hải Thơ, 2010). Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer có thể là kinh tế khó khăn, thiếu thời gian, thiếu phương tiện mưu sinh để đảm bảo nhu cầu cơ bản của cuộc sống, thiếu sự quan tâm và chăm sóc của cha mẹ, trình độ học vấn thấp của cha mẹ và sức khỏe yếu của học sinh do bệnh tật (Đặng Thị Hải Thơ, 2010; Baruah & Goswami, 2012) và văn hóa “trọng nam kinh nữ” trong giáo dục của các hộ gia đình (Simuforosa & Rosemary, 2015; Shahidul & Karim 2015). Ngoài ra, các nhân tố khác có thể cha mẹ không có nghề nghiệp buộc phải di cư tìm kiếm việc làm ít nhiều đã ảnh hưởng đến việc học của con cái. Hệ quả các học sinh bỏ học của dân tộc Khmer trong độ tuổi đi học rất dễ rơi vào tình trạng thất nghiệp do không có nghề

nghề nghiệp và trở thành gánh nặng của các hộ có học sinh bỏ học, của xã hội và chính bản thân người bỏ học phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro trong quá trình hòa nhập với xu thế phát triển của xã hội. Mặt khác, hậu quả của việc bỏ học ở học sinh dân tộc Khmer có thể dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương, mất phương hướng gây tẻ nạn xã hội, xung đột về quyền, lợi ích và phân hóa giàu nghèo dẫn đến gây bất ổn trong xã hội.

Có thể khẳng định rằng: sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở các cấp học phổ thông là một vấn đề nghiêm trọng vì rất khó có thể lường trước được các hậu quả của việc bỏ học có ảnh hưởng như thế nào đến sự bất ổn của xã hội. Vấn đề bỏ học của học sinh dân tộc Khmer trong độ tuổi đi học ở các cấp học phổ thông cần được xem xét và đánh giá một cách nghiêm túc vì sự bỏ học của học sinh có thể là một nguy cơ dẫn đến khủng hoảng nguồn nhân lực và sự bất ổn xã hội cần được nghiên cứu để tìm giải pháp kiểm soát và quản lý. Vì vậy, nghiên cứu các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là cần thiết và cần được thực hiện để tìm giải pháp kiểm soát tốt thực trạng bỏ học của học sinh dân tộc Khmer trong độ tuổi đi học nhằm góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của xã hội.

## 2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu chính của nghiên cứu là xác định được các nguyên nhân và các nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer, đồng thời đề xuất các giải pháp kiểm soát tốt thực trạng bỏ học của học sinh dân tộc Khmer, góp phần vào sự phát triển giáo dục ở các vùng nông thôn.

## 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1 Cách tiếp cận nghiên cứu

Cách tiếp cận chính của nghiên cứu là dựa vào lý thuyết về cách tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia (Cornwal & Jewkes, 1995 và Bellon, 2001), trong đó lý thuyết xây dựng cây vấn đề và cây giải pháp là cơ sở lý thuyết chính để thu thập và phân tích dữ liệu để tìm giải pháp kiểm soát thực trạng bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Tất cả các quan điểm, thông tin và dữ liệu, kế hoạch, đều được thu thập dựa trên cơ sở tham gia của các tác nhân liên quan trong giáo dục và quản lý giáo dục.

### 3.2 Phương pháp chọn vùng nghiên cứu

Trà Cú là một trong các huyện của tỉnh Trà Vinh có nhiều học sinh dân tộc Khmer bỏ học ở cả ba cấp học. Tỷ lệ học sinh dân tộc Khmer bỏ học khá cao so với các dân tộc khác trong huyện và

trong tỉnh. Năm học 2013 – 2014, tỷ lệ bỏ học chung của huyện là 1,8%, trong khi đó học sinh dân tộc Khmer bỏ học chiếm tới 1,28% (Phòng GD - ĐT huyện Trà Cú, 2015). Cụ thể các điểm trường có học sinh dân tộc Khmer bỏ học cao như Trường tiểu học Tân Hiệp, Trường THCS Tân Hiệp và Trường THPT Long Hiệp lần lượt thuộc các xã Tân Hiệp, Long Hiệp, Ngọc Biên và Thanh Sơn của huyện Trà Cú đã được chọn để thực hiện nghiên cứu.

### 3.3 Phương pháp thu thập số liệu

Các thông tin và số liệu của các điểm trường ở các cấp học, các tổ chức giáo dục, Cục Thống kê và Ủy ban nhân dân các xã và huyện nơi quản lý các điểm trường phổ thông đã được thu thập để tìm hiểu thực trạng học tập, số học sinh trong độ tuổi đi học, số học sinh dân tộc Khmer bỏ học và nguyên nhân của sự bỏ học. Để tìm hiểu sâu các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer, các cuộc thảo luận nhóm tập trung riêng biệt với thầy cô giáo, nhà quản lý giáo dục và phụ huynh học sinh ở từng cấp học đã được thực hiện để thảo luận, phân tích và xác định các nguyên nhân, nhân tố chính ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer, các điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của hộ Khmer để tìm giải pháp kiểm soát sự bỏ học của học sinh. Ngoài ra, các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và phỏng vấn sâu đã được thực hiện trực tiếp với học sinh dân tộc Khmer đã bỏ học, cha mẹ các em, quý thầy cô tại các điểm trường nơi có học sinh bỏ học và chính quyền địa phương để đào sâu các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Cuối cùng nghiên cứu đã thực hiện điều tra chi tiết với 30 hộ có con em bỏ học ở mỗi cấp học (tổng cộng 90 hộ) bằng các câu hỏi có cấu trúc. Các nội dung của cuộc điều tra chủ yếu xoay quanh các nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng và các giải pháp kiểm soát tốt sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer.

### 3.4 Phương pháp phân tích

Các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở các cấp học được mô tả sâu và phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh ở các cấp học được phân tích bằng phương pháp phân tích hồi qui đa biến.

Phương trình hồi quy đa biến:

$$Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_i X + u_i$$

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc (biến Y thể hiện số học sinh dân tộc Khmer bỏ học).

Xi là biến độc lập hay biến giải thích (Xi thể hiện các nhân tố độc lập ảnh hưởng đến số học sinh dân tộc Khmer bỏ học).

$u_i$ : Sai số ước lượng phương trình hồi qui

Ngoài ra, phương pháp phân tích ma trận SWOT (S là điểm mạnh, W là điểm yếu, O là các cơ hội và T là thách thức) đã được áp dụng để tìm giải pháp cụ thể để phát huy các điểm mạnh của hộ có con em bỏ học, tận dụng cơ hội để khắc phục những khó khăn và vượt qua thách thức để kiểm soát sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer.

## 4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1 Phân tích nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở các cấp học phổ thông

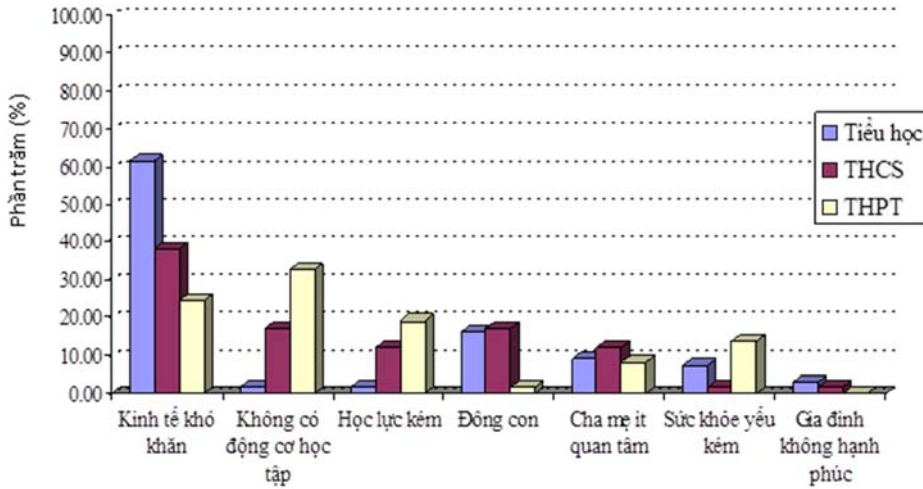
Các nguyên nhân chính bỏ học của học sinh dân tộc Khmer tại 3 cấp học được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn bán cấu trúc và kết quả được trình bày ở Hình 1. Phân tích số liệu Hình 1 cho thấy: có nhiều nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Các nguyên nhân chính được phân tích như sau:

Thứ nhất, kinh tế khó khăn là nguyên nhân chính của sự bỏ học ở cả ba cấp học trong đó đa số học sinh cấp TH thuộc diện nông hộ khó khăn về tài chính do không có đất sản xuất để tạo nguồn thu nhập ổn định. Hầu hết các hộ có con em bỏ học phải làm thuê để mưu sinh. Kết quả khảo sát cho thấy: tỷ lệ học sinh cấp TH bỏ học chiếm tỷ lệ cao nhất 61,7% và giảm dần đối với THCS (38,0%), đến THPT chỉ chiếm tỷ lệ 24,3%.

Thứ hai, không có động cơ trong học tập là một trong các nguyên nhân bỏ học của học sinh ở các cấp học phổ thông. Không có động cơ trong học tập của học sinh có xu hướng tăng dần từ cấp TH đến THPT. Học sinh cấp TH bỏ học chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,6%) do các học sinh này yếu ngôn ngữ tiếng Việt là rào cản lớn nhất dẫn đến khó tiếp thu bài học trong quá trình học tập dẫn đến chán nản việc học và tìm kiếm lý do để bỏ học. Tiếp đến học sinh THCS chiếm cao hơn (17,2%). Tuy nhiên, ngôn ngữ Tiếng Việt ở cấp học THCS không còn là yếu tố khó khăn so với học sinh cấp Tiểu học. Động cơ học tập của học sinh THCS chịu sự tác động lớn từ sự lôi kéo và rủ rê từ bạn bè xấu sống trong cùng khu vực xung quanh nơi có nhiều học sinh bỏ học ở vùng nông thôn. Đa số các học sinh bỏ học đã lên thành phố Hồ Chí Minh tìm làm việc để kiếm tiền tạo kế sinh nhai và phụ giúp gia đình,

mỗi lần dịp nghỉ lễ các em này về quê thường rủ rê các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn bỏ học kiếm việc làm tạo thu nhập để cải thiện cuộc sống thay vì đi học. Một nguyên nhân khác do học sinh THCS trong độ tuổi rất ham chơi, không tập trung vào việc học nên học yếu kém dẫn đến mặc cảm tự ti và cuối cùng tìm đường bỏ học. Riêng học sinh ở cấp THPT, không có động cơ học tập chiếm tỷ lệ

cao nhất (32,4%). Ngoài các lý do tương tự cấp THCS, một nguyên nhân có tầm ảnh hưởng tới sự bỏ học là do các anh chị đi trước đã tốt nghiệp THPT hay đại học nhưng không tìm được việc làm hay bị thất nghiệp đã ảnh hưởng đến tâm lý của các học sinh THPT hoặc do chưa nhận thức tốt về tầm quan trọng của việc học tập để xây dựng tạo nghề nghiệp vững chắc cho tương lai.



**Hình 1: Nguyên nhân của sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer**

Thứ ba, học lực yếu kém của học sinh là một nguyên nhân dẫn đến học sinh bỏ học của 3 cấp học. Khi học lực Yếu/ Kém dẫn đến học sinh chịu nhiều áp lực, gây chán nản và mặc cảm với bạn bè xung quanh nên chọn con đường bỏ học. Tỷ lệ bỏ học của học sinh ở 3 cấp học cũng tăng dần từ cấp TH đến THPT lần lượt là 1,60% (TH), 12,10% (THCS), 19,00% (THPT). Đa phần học sinh dân tộc ngoài thời gian học ở trường, các em còn phải phụ giúp kinh tế gia đình rất nhiều nên có rất ít thời gian dành cho cho việc học. Mặt khác, ít sách tham khảo, tiếng Việt kém và thiếu phương tiện phục vụ cho học tập đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của các em.

Thứ tư, đông con cũng một nguyên nhân dẫn đến bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Tỷ lệ học sinh bỏ học giảm dần từ TH đến THPT lần lượt là 16,10% (TH), 17,20% (THCS) và thấp nhất là 2,70% (THPT). Số con trong một hộ ít nhiều đã ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh. Phần lớn các hộ Khmer đông con thuộc diện hộ kinh tế khó khăn, nên các em không được học lên cao mà chỉ học để biết đọc và biết viết là đã phải nghỉ học, tham gia vào các hoạt động kế sinh của hộ để cải thiện thu nhập. Mặt khác cha mẹ thiếu nhận thức

trong việc kế hoạch hoá gia đình và thiếu hiểu biết về các bất lợi của sự đông con hoặc do trình độ học vấn cha và mẹ thấp nên không thể hỗ trợ giáo dục tại nhà cho các con em của họ.

Thứ năm, cha mẹ ít quan tâm đến việc học của con là một trong các nguyên nhân bỏ học của học sinh ở cả 3 cấp học phổ thông. Nguyên nhân thiếu sự quan tâm của cha mẹ là do cha mẹ không có thời gian đầu tư cho con cái vì phải đi làm kiếm tiền nuôi con hoặc do trình độ học vấn, sự hiểu biết và nhận thức của cha mẹ kém đã không tư vấn hoặc giúp gi được cho con học tập và phó mặc việc học cho con cái họ quyết định. Phần lớn các hộ Khmer có con em bỏ học thuộc diện kinh tế khó khăn và hầu như chỉ quan tâm chăm lo làm sao có đủ thực phẩm, quần áo và chỗ ở hơn việc học của con cái. Trong thực tế, một số hộ Khmer thuộc diện hộ nghèo không được xét cấp sổ hộ nghèo hoặc hộ nghèo được xét thoát nghèo. Con em của các hộ này không được hỗ trợ miễn giảm học phí từ phía Nhà nước dẫn đến bỏ học chiếm khoảng 12,10% ở cấp TH, trong khi ở cấp THCS và THPT tương đối đồng đều lần lượt là 8,80% và 8,10%.

Thứ sáu, gia đình không hạnh phúc là một nguyên nhân dẫn đến sự bỏ học của học sinh. cha

mẹ ly hôn làm cho con cái phải bỏ học vì theo mẹ hoặc cha đến địa phương khác kiếm sống hoặc về ở với bên nội hay bên ngoại trong khi kinh tế hai bên đều khó khăn dẫn đến các em thường phải bỏ học rất sớm. Gia đình không hạnh phúc thường là gia đình có cha và mẹ kết hôn sớm, không thuận nhau, cả hai không nghề, kinh tế khó khăn và không có nơi ở ổn định. Sau khi kết hôn, cả hai sống với nhau một thời gian mới nhận ra không hợp nhau hoặc không đủ can đảm để vượt qua hoàn cảnh khó khăn dẫn đến mất hạnh phúc rồi ly hôn. Thực tế khảo sát cho thấy: gia đình không hạnh phúc thường xảy ra ở các hộ có con em bỏ học ở cấp TH (2,9%), THCS (1,7%) và không xảy ra ở THPT.

Cuối cùng, tình trạng sức khoẻ yếu không thể tiếp tục đi học cũng là một nguyên nhân bỏ học của học sinh. Sức khoẻ yếu có thể do bẩm sinh của các em, do môi trường sống không đủ vật chất để đảm bảo sức khỏe. Ngoài ra, có thể một phần do chương trình giáo dục của nước ta còn nặng tính hàn lâm và gây nhiều áp lực trong thi cử khi càng học lên cao dẫn đến học sinh phải bỏ học và tỷ lệ tăng dần từ cấp TH học đến THPT lần lượt là 1.7%, 7.3% và 13.5%.

Nhìn chung, có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến việc bỏ học của học

sinh dân tộc Khmer ở các cấp học phổ thông. Kinh tế khó khăn, thiếu động cơ học tập và học lực kém là các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh ở ba cấp học. Các nguyên nhân khác như đông con, tiếng Việt kém, bệnh tật và gia đình không hạnh phúc ít nhiều đã ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh. Ngoài ra, phong tục kết hôn sớm mặc dù không đủ tuổi theo quy định của pháp luật vẫn đang diễn ra tại nhiều địa phương dẫn đến nhiều cặp không thể tiếp tục chung sống với nhau đã ảnh hưởng đến việc học hành của con cái họ sau này. Trình độ học vấn của cha và mẹ rất thấp cũng tác động không nhỏ đến việc quyết định cho con tiếp tục học lên cao hay không. Một số hộ Khmer có văn hóa thích đông con trong khi đó kinh tế lại rất khó khăn đã ảnh hưởng đến sự bỏ học của con em họ.

**4.2 Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer cấp TH**

Các nhân tố chính được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn bán cấu trúc và được điều tra để chi tiết để lượng hóa thông tin và số liệu bằng phương pháp điều tra nông hộ. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 3 như sau:

**Bảng 3: Nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer cấp Tiểu học**

Biến độc lập	Diễn giải nhân tố biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn		Hệ số chuẩn	Giá trị t	Ý nghĩa (P-Value)
		B	Sai Số chuẩn	B		
	Hằng số (Constant)	-2,519		0,882	-2,856	0,010
X <sub>1</sub>	Tuổi của cha	0,013		0,010	0,146	1,262
X <sub>2</sub>	Học vấn của cha	-0,355		0,157	-0,240	-2,260
X <sub>3</sub>	Lao động chính	0,836		0,133	0,888	6,298
X <sub>4</sub>	Số con cái	0,088		0,079	0,137	1,123
X <sub>5</sub>	Tiếng Việt kém	-0,770		0,420	-0,223	-1,835
X <sub>6</sub>	Thu nhập	-0,415		0,283	-0,179	-1,466
X <sub>7</sub>	Sự quan tâm từ gia đình (Biến giả)	0,204		0,184	0,114	1,108
X <sub>8</sub>	Nơi làm việc của mẹ	0,617		0,191	0,345	3,236
X <sub>9</sub>	Lao động phụ thuộc	0,615		0,170	0,553	3,620
	R			0,820		
	R <sup>2</sup>			0,725		
	Sig.F			0,000		

Nguồn: Điều tra thực tế năm 2015

Phân tích kết quả Bảng 3 cho thấy mô hình hồi qui có tương quan giữa các biến khá chặt chẽ với hệ số tương quan R= 0,820. Hệ số xác định R<sup>2</sup> của mô hình là 0,725, cho biết mô hình giải thích được 72,5% các nhân tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở cấp Tiểu học. Kết quả kiểm định của mô hình có ý nghĩa thống kê với

giá trị Sig.F tiến đến giá trị 0, chứng tỏ mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê và mô hình xây dựng phù hợp với tổng thể. Trong tổng số 9 nhân tố phân tích trong mô hình hồi qui đa biến, có 5 nhân tố của mô hình có ý nghĩa để có thể giải thích được sự ảnh hưởng của các biến nhân tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer đã được tìm thấy trong mô hình bao gồm: *học vấn*

của cha ( $X_2$ ), lao động chính ( $X_3$ ), tiếng Việt kém ( $X_5$ ), nơi làm việc của mẹ ( $X_8$ ), lao động phụ thuộc ( $X_9$ ). Các biến còn lại như: tuổi của cha ( $X_1$ ), số con cái trong gia đình ( $X_4$ ), thu nhập ( $X_6$ ) và sự quan tâm từ gia đình ( $X_7$ ) là các nhân tố ảnh hưởng không có ý nghĩa thống kê để giải thích sự ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh trong mô hình hồi qui đa biến. Các nhân tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer được phân tích, giải thích và thảo luận như sau:

**Học vấn của cha ( $X_2$ ):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu trình độ của cha giảm đi một cấp học, thì số học sinh bỏ học trong gia đình tăng 0,355 người tại mức ý nghĩa 5% (Giá trị  $P = 0,036$ ). Điều này cho thấy, học vấn của cha rất quan trọng đến con đường học tập của con cái trong gia đình. Nghĩa là trình độ của cha cao, thì nhận thức của cha mẹ trong việc giáo dục con em học hành tốt hơn với mong muốn con cái của mình được học cao như mình hoặc cao hơn mình, đó là tâm lý của các bậc cha. Ngược lại, nếu trình độ của cha thấp, hầu như không thể giúp đỡ con em học tập mà phải phó mặc việc học cho chúng tự học để vươn lên. Mặt khác, cha mẹ có học vấn thấp hầu hết thuộc hộ có khó khăn về kinh tế nên chỉ có thể học để biết đọc và biết viết là cho con nghỉ học để phụ giúp gia đình kiếm thêm thu nhập.

**Số lao động chính ( $X_3$ ):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu số lao động chính trong gia đình tăng lên 1 người, thì số con cái bỏ học trong gia đình tăng lên 0,836 người, ở mức ý nghĩa 1% (Giá trị  $P = 0,000$ ). Khi con cái trong gia đình còn đi học thì trong gia đình thêm 1 người phụ thuộc, nhưng khi con cái bỏ học, trong gia đình tăng lên số lao động chính giúp gia đình tăng nguồn thu nhập.

**Tiếng Việt kém ( $X_5$ ):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu học sinh dân tộc Khmer bị cản trở ngôn ngữ tiếng Việt trong học tập, số học sinh bỏ học trong gia đình tăng lên 0,770 người ở mức ý nghĩa 10% (Giá trị  $P = 0,082$ ). Học sinh dân tộc Khmer đa phần sống ở vùng nông thôn, khi đi học thì mới được giao tiếp bằng tiếng Việt, nhưng khi về nhà lại giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ. Chính vì vậy, nhiều học sinh rất yếu tiếng Việt nên khó tiếp thu bài học ở trên lớp dẫn đến chán nản việc học

trở lại bỏ học giữa chừng. Đây là một vấn đề khó khăn hiện nay đối với học sinh dân tộc Khmer.

**Nơi làm việc của mẹ ( $X_8$ ):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu người mẹ thường phải đi làm ăn xa theo mùa vụ, số học sinh trong gia đình tăng lên 0,617 người, ở mức ý nghĩa 1% (Giá trị  $P = 0,004$ ). Nhiều hoàn cảnh của học sinh Tiểu học do ít ruộng đất và địa phương thiếu việc làm, nên các học sinh này phải theo cha mẹ đi làm ăn xa theo mùa vụ trong năm như: hái cà phê, hái điều, đốn mía... để sinh sống. Các em nhỏ thường gần gũi với người mẹ nhiều hơn nên khi mẹ đi làm ăn xa thường dẫn con cái đi theo dẫn đến phải chấp nhận bỏ học.

**Số lao động phụ thuộc ( $X_9$ ):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu số lao động phụ thuộc trong gia đình tăng lên 1 người, thì số học sinh trong gia đình tăng lên 0,615 người, ở mức ý nghĩa 1% (Giá trị  $P = 0,002$ ). Số người phụ thuộc tăng lên, dẫn đến các con cái còn đang học buộc phải nghỉ học nhằm giúp gia đình chăm sóc các em nhỏ.

Nhìn chung, trong số các nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở cấp TH trong mô hình hồi qui đa biến, có 3 nhân tố có tầm ảnh hưởng lớn hơn đến việc bỏ học của học sinh dân tộc khmer là *số lao động chính, số lao động phụ thuộc và nơi làm việc của mẹ* so với các nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa còn lại như *trình độ của cha và tiếng Việt kém*. Tuy nhiên, nhân tố *lao động chính* có hệ số Beta cao nhất trong mô hình (0,888). Vì thế nhân tố *số lao động chính* trở thành nhân tố quan trọng có tầm ảnh hưởng lớn nhất đến việc bỏ học ở cấp TH.

### 4.3 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh ở cấp THCS

Phân tích kết quả ở Bảng 4 cho thấy mô hình có tương quan giữa các biến khá chặt chẽ với hệ số tương quan  $R = 0,774$ . Hệ số xác định  $R^2$  của mô hình là 0,614, cho biết mô hình giải thích được 61,4% các nhân tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh ở cấp THCS, 38,6% còn lại do các yếu tố khác chi phối. Ngoài ra, kiểm định cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê với Sig.F tiến đến giá trị 0, mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê chứng tỏ mô hình xây dựng phù hợp với tổng thể.

**Bảng 4: Nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở cấp THCS**

Biến độc lập	Diễn giải nhân tố biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn		Giá trị t	Ý nghĩa (P-Value)	
		B	Sai Số chuẩn			
	Hằng số (Constant)	0,0074	1,049	0,071	0,944	
X <sub>1</sub>	Diện tích đất	-0,239	0,142	-0,285	-1,690	0,109
X <sub>2</sub>	Tuổi của cha	0,077	0,030	0,647	2,595	0,019
X <sub>3</sub>	Tuổi của mẹ	-0,049	0,027	-0,419	-1,797	0,090
X <sub>4</sub>	Giới tính chủ hộ	0,810	0,393	0,370	2,061	0,055
X <sub>5</sub>	Học vấn của mẹ	0,511	0,220	0,435	2,320	0,033
X <sub>6</sub>	Học vấn của cha	-0,389	0,180	-0,358	-2,159	0,045
X <sub>7</sub>	Lao động chính	0,361	0,125	0,532	2,887	0,010
X <sub>8</sub>	Sức khoẻ học sinh yếu	-0,984	0,504	-0,269	-1,952	0,068
X <sub>9</sub>	Sự quan tâm của gia đình (Biến giả)	-0,513	0,269	-0,291	-1,908	0,073
X <sub>10</sub>	Nơi làm của cha	1,018	0,491	0,655	2,074	0,054
X <sub>11</sub>	Nơi làm của mẹ	-0,696	0,485	-0,423	-1,435	0,170
	R		0,774			
	R <sup>2</sup>		0,614			
	Sig.F		0,002			

Nguồn: Điều tra thực tế năm 2015

Trong 11 nhân tố ở mô hình hồi qui đa biến, có 10 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến số học sinh bỏ học THCS bao gồm: *tuổi của cha* (X<sub>2</sub>), *tuổi của mẹ* (X<sub>3</sub>), *giới tính của chủ hộ* (X<sub>4</sub>), *học vấn của mẹ* (X<sub>5</sub>), *học vấn của cha* (X<sub>6</sub>), *lao động chính* (X<sub>7</sub>), *sức khoẻ học sinh* (X<sub>8</sub>), *sự quan tâm từ gia đình* (X<sub>9</sub>) và *nơi làm việc của cha* (X<sub>10</sub>). Các nhân tố còn lại như: *diện tích đất* (X<sub>1</sub>) và *nơi làm việc của mẹ* (X<sub>11</sub>) không có ý nghĩa để giải thích sự ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer trong mô hình hồi qui. Các nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer cấp THSC được phân tích, giải thích và thảo luận như sau:

**Tuổi của cha (X<sub>2</sub>):** khi tuổi của cha tăng lên 1 tuổi trong khi biến độc lập khác không đổi, số học sinh bỏ học trong nông hộ tăng lên 0,077 người ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $p = 0,019$ ). Điều này được giải thích người cha thường là trụ cột trong gia đình và cày cấy các công việc chính của hộ. Nhưng khi người cha càng lớn tuổi sức khoẻ yếu dần làm giảm đi sức lao động, nên thường có xu hướng cho con cái nghỉ học phụ giúp công việc trong gia đình để thay thế mình hoặc đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập.

**Tuổi của mẹ (X<sub>3</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu tuổi của mẹ tăng lên 1 tuổi, thì số học sinh bỏ học trong gia đình giảm đi 0,049 người, ở mức ý nghĩa 10% (giá trị  $P = 0,090$ ). Điều này cho thấy, khi tuổi của mẹ càng cao thì có xu hướng cho con cái học tập càng cao nên số lượng bỏ học có xu hướng giảm khi tuổi mẹ tăng vì người

mẹ có ý thức cao trong việc đầu tư cho các con có tương lai.

**Giới tính của chủ hộ (X<sub>4</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu chủ hộ là nam, thì số lượng học sinh bỏ học trong gia đình tăng lên 0,810 người, ở mức ý nghĩa 10% (Giá trị  $p = 0,055$ ). Chủ hộ là nam thường có xu hướng cho con bỏ học sớm để phụ giúp gia đình kiếm sống. Kết quả điều tra thực tế cho thấy đa số chủ hộ là nam và một số trường hợp nữ là chủ hộ do ly hôn và con cái thường có xu hướng theo người mẹ.

**Học vấn của mẹ (X<sub>5</sub>):** khi trình độ của mẹ tăng một cấp học, thì số học sinh bỏ học trong gia đình tăng lên 0,511 người, ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $P = 0,033$ ) trong trường hợp các biến độc lập khác cố định. Tuy nhiên, học vấn của mẹ không quan trọng vì quyền quyết định phụ thuộc vào người cha. Trong văn hóa của dân tộc Khmer, người chồng thường có quyền quyết định gần như tất cả các công việc trong gia đình, nên người mẹ có ảnh hưởng rất ít đến việc bỏ học của con cái trong gia đình. Trình độ học vấn của người mẹ có ảnh hưởng đến việc học của các con trong các trường hợp cha mất hoặc ly dị.

**Học vấn của cha (X<sub>6</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu trình độ của cha giảm một cấp học, thì số lượng học sinh bỏ học trong gia đình tăng 0,389 người, ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $p = 0,045$ ). Điều này cho thấy, học vấn của cha rất quan trọng đến con đường học tập của con cái trong gia đình. Khi trình độ học vấn của cha thấp có ảnh hưởng đến việc học của con em họ. Tuy

nhiên, người cha mong muốn cho con cái được học cao hoặc cao hơn để có nghề nghiệp nuôi bản thân đó là tâm lý của các bậc làm cha. Ngược lại, nếu trình độ của cha thấp, thì cho con học biết đọc, biết viết là cho con bỏ học tham gia vào công việc cùng gia đình nhằm tìm kế sinh nhai.

**Số lao động chính (X7):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu số lao động chính trong gia đình lên 1 người, thì số học sinh bỏ học trong gia đình tăng lên 0,361 người, ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $P = 0,010$ ). Khi con cái trong gia đình còn đi học thì trong gia đình thêm một người phụ thuộc. Ngược lại, khi con cái bỏ học, trong gia đình tăng lên số lao động chính giúp gia đình tăng nguồn thu nhập.

**Sức khỏe của học sinh (X8):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu học sinh gặp vấn đề về sức khỏe (học sinh bị bệnh), thì số học sinh bỏ học tăng lên 0,984 người ở mức ý nghĩa 10% (giá trị  $p = 0,068$ ). Thực tế điều tra, các em thường mắc bệnh như: nhức đầu, chóng mặt, kém trí nhớ nên không thể tiếp tục theo học nữa và phải bỏ học giữa chừng.

**Sự quan tâm từ gia đình (X9):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu học sinh thiếu sự quan tâm từ gia đình, thì số lượng học sinh bỏ học tăng lên 0,513 người, ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $p = 0,073$ ). Do trình độ của cha mẹ rất thấp, đa phần thuộc diện nghèo, nên phần lớn tập trung việc kiếm thu nhập để đảm bảo cuộc sống hơn là chăm lo việc học cho con em của hộ hoặc xem nhẹ việc học của con cái, dẫn đến con cái không lo học hành và thường bỏ học.

**Nơi làm việc của cha (X10):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu người cha thường đi làm ăn xa, thì số học sinh bỏ học tăng lên 1,018 người, ở mức ý nghĩa 10% (giá trị  $p = 0,054$ ). Do đa phần trong gia đình người cha là có quyền quyết

định tất cả, do hoàn cảnh khó khăn nên người cha thường dẫn con cái đi theo làm nhằm phụ giúp gia đình vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Nói tóm lại, có 10 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer tại cấp học THCS, trong đó nhân tố *Tuổi của cha* là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất để giải thích cho số học sinh bỏ học trong gia đình dân tộc Khmer vì nhân tố này có hệ số Beta cao nhất trong mô hình hồi qui là 0,655.

**4.4 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh ở cấp THPT**

Thực tế khảo sát cho thấy số nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh có xu hướng giảm ở cấp THPT so với học sinh ở cấp TH và THCS vì phần lớn các em THPT đã lớn tuổi, ý thức tốt hơn trong việc học và có tính tự lập cao nên ít phụ thuộc nhiều vào cha mẹ. Vì vậy, các biến hay nhân tố ảnh hưởng đưa vào mô hình phân tích hồi qui đa biến ít hơn so với cấp học TH và THCS.

Phân tích kết quả ở Bảng 5 cho thấy mô hình có hệ số tương quan  $R = 0,629$  có mối tương quan giữa các biến thuận là khá chặt chẽ. Hệ số xác định  $R^2$  của mô hình là 0,533, cho biết mô hình giải thích được 53,3% số học sinh bỏ học trong gia đình ở cấp THPT, 46,7% còn lại do các yếu tố khác ngoài mô hình giải thích. Ngoài ra, kiểm định cho thấy mô hình đạt ý nghĩa thống kê với Sig.F tiến đến giá trị 0, chứng tỏ mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê và mô hình xây dựng phù hợp với tổng thể.

Có 3 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa để giải thích việc bỏ học của học sinh THPT bao gồm: *trình độ học vấn của cha (X2)*, *thu nhập (X4)*, *số lao động phụ thuộc (X5)*. Các biến còn lại như: *trình độ của mẹ (X1)*, *sức khỏe của học sinh (D3)*, *số con trong gia đình (X6)* không có ý nghĩa giải thích trong mô hình hồi qui này.

**Bảng 5: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở cấp THPT**

Biến độc lập	Diễn giải nhân tố biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn		Hệ số chuẩn		Giá trị t	Ý nghĩa (P-Value)
		B	Sai Số chuẩn	B	B		
	Hằng số (Constant)	2,067	0,519			3,982	0,001
X1	Học vấn của mẹ	-0,344	0,229	-0,247		-1,500	0,147
X2	Học vấn của cha	-0,343	0,171	-0,294		-2,000	0,057
X3	Sức khỏe	-0,476	0,304	-0,265		-1,566	0,131
X4	Thu nhập	0,238	0,111	0,339		2,150	0,042
X5	Số lao động phụ thuộc	-0,377	0,103	-0,542		-3,675	0,001
X6	Số con cái	0,149	0,105	0,187		1,415	0,171
	R		0,629				
	R <sup>2</sup>		0,533				
	Sig.F		0,000				



Các nhân tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer được phân tích, giải thích và thảo luận như sau:

**Học vấn của cha (X<sub>1</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu trình độ của cha giảm đi một cấp học, thì số học sinh trong gia đình tăng lên 0,343 người, ở mức ý nghĩa 10% (giá trị  $p = 0,057$ ). Điều này cho thấy trình độ học vấn của cha rất quan trọng đến con đường học tập của con cái trong gia đình. Vì khi trình độ của cha cao thì sẽ mong muốn cho con cái của mình học được cao như mình hoặc cao hơn mình nữa đó là tâm lý của người cha. Ngược lại, nếu trình độ của cha thấp thì cho con học biết đọc, biết viết là cho con bỏ học tham gia vào công việc cùng gia đình nhằm tìm kế sinh nhai.

**Thu nhập (X<sub>2</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu thu nhập trong nông hộ tăng lên một triệu đồng/người/tháng, thì số học sinh trong gia đình tăng lên 0,238 người, ở mức ý nghĩa 5% (giá trị  $P = 0,042$ ). Điều này cho thấy, số học sinh bỏ học ở cấp THPT khi bỏ học sẽ tham gia lao động để tạo thu nhập như: làm công nhân trong công ty, phụ hồ, hái cà phê và hái điều. Từ đó, giúp cho nguồn thu nhập trong gia đình tăng lên rõ rệt.

**Số lao động phụ thuộc (X<sub>3</sub>):** trường hợp các biến độc lập khác cố định, nếu số lao động phụ thuộc trong gia đình giảm đi 1 người, thì số học sinh trong gia đình tăng lên 0,377 người, ở mức ý nghĩa 1% (giá trị  $P = 0,001$ ). Khi số học sinh THPT trong gia đình bỏ học, thì trong gia đình giảm đi số lao động phụ thuộc tham gia vào lao động trong xã hội.

Nói tóm lại, có 3 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer tại cấp học THCS, trong đó nhân tố *thu nhập* là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất để giải thích cho số học sinh bỏ học trong gia đình dân tộc Khmer vì nhân tố này có hệ số Beta cao nhất trong mô hình hồi qui là 0,339.

Nhìn chung, kết quả phân tích hồi quy đa biến ở ba cấp học cho thấy các nhân tố: học vấn của cha có ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở cả ba cấp học, số lao động phụ thuộc có ý nghĩa thống kê ở hai cấp học (Tiểu học và THPT),

số lao động chính, tuổi của cha có ý nghĩa thống kê ở hai cấp học (Tiểu học và THCS). Tuy nhiên mỗi nhóm hộ đều có các nhân tố ảnh hưởng riêng biệt đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer như tiếng Việt kém, nơi làm việc của mẹ ở cấp Tiểu học, tuổi của cha, giới tính của chủ hộ, học vấn của mẹ, sức khỏe của học sinh, sự quan tâm từ gia đình, tuổi của mẹ, nơi làm việc của cha ở cấp THCS, riêng ở THPT chỉ có biến thu nhập.

## 5 ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN THỰC TRẠNG BỎ HỌC CỦA HỌC SINH DÂN TỘC KHMER

Các giải pháp để giảm số học sinh bỏ học của dân tộc Khmer trong từng cấp học đã được thu thập và tổng hợp từ cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn bán cấu trúc và phỏng vấn sâu với thầy cô giáo, phụ huynh có con em bỏ học, nhà quản lý giáo dục và chính quyền địa phương. Kết quả được trình bày trong Bảng 6.

Như đã phân tích ở các phần trên, việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer rất phức tạp do nhiều nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh như đối tượng học sinh, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống và các tác động của yếu tố ngoại cảnh khác như văn hóa, lối sống, thể chế chính trị và mối quan hệ xã hội, việc tìm giải pháp khắc phục tình trạng bỏ học của học sinh ở cấp học phổ thông thực sự rất phức tạp. Để tận dụng các cơ hội phát huy nguồn lực và tiềm năng của nông hộ để khắc phục khó khăn nội tại và vượt qua các thử thách của học sinh dân tộc Khmer cần có sự phối hợp tốt giữa gia đình có học sinh bỏ học, nhà trường và chính quyền địa phương để tìm giải pháp căn cơ cho việc giảm tình trạng bỏ học của học sinh dân tộc Khmer. Các giải pháp để khắc phục các nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer đã được các phụ huynh học sinh, học sinh đã bỏ học, nhà trường và chính quyền địa phương thống nhất cần thực hiện trong thời gian tới như sau:

Nhà trường ở mỗi cấp học cần mở thêm các lớp phụ đạo bồi dưỡng tiếng Việt nhằm giúp học sinh dân tộc Khmer còn yếu tiếng Việt và năng lực học tập Yếu/Kém có cơ hội cải thiện tiếng Việt và năng lực học tập đặc biệt là học sinh cấp Tiểu học.

**Bảng 6: Kết quả phân tích SWOT của hộ có học sinh Khmer bỏ học**

SWOT		Yếu tố bên trong	
		Liệt kê các điểm mạnh (S): S1. Có tính thần vượt khó trong học tập. S2. Vâng lời thầy cô giáo trong học tập. S3. Phụ huynh học sinh có tinh thần lao động cần cù, chí thú làm ăn.	Liệt kê các điểm yếu (W): W1. Học sinh kém tiếng Việt. W2. Thiếu phương tiện trong học tập. W3. Thiếu sự quan tâm từ gia đình. W4. Ít đất và thu nhập thấp. W5. Trình độ học vấn thấp. W6. Thường đi làm ăn xa. W7. Tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.
Yếu tố bên ngoài	<b>Liệt kê các cơ hội (O):</b> O1. Được hỗ trợ từ chính quyền địa phương. O2. Giáo dục đang được đầu tư và hoàn thiện. O3. Nhiều chính sách hỗ trợ đối với học sinh dân tộc thiểu số. O4. Có chính sách cho hộ khó khăn vay vốn làm ăn. O5. Nhiều công ty thành lập tại địa phương. O6. Có trường, trung tâm, cơ sở dạy nghề tại huyện Trà Cú.	<b>S + O: Tận dụng cơ hội để phát huy tiềm lực nông hộ</b> S1, S2, S3 + O1, O2, O3: Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh dân tộc Khmer được học tập tốt và được học cao hơn. <b>S3 + O2, O3, O4, O5 và O6:</b> Tăng cường tập huấn kỹ thuật nông nghiệp, đa dạng hoá cây trồng, liên kết với công ty để đào tạo nghề và giải quyết việc làm.	<b>W + O: Tận dụng cơ hội để khắc phục khó khăn</b> W1, W2 + O1, O2, O3: Phụ đạo tiếng Việt và hỗ trợ phương tiện học tập cho học sinh dân tộc Khmer có học lực yếu và thiếu phương tiện học tập. W3, W4, W5 + O1, O3, O4, O5, O6: Hỗ trợ vốn vay, mở các lớp đào tạo nghề và tạo việc làm cho hộ khó khăn ở nông thôn.
	<b>Liệt kê các thách thức (T):</b> T1. Thất nghiệp do không đáp ứng các tiêu chuẩn tuyển dụng. T2. Thiếu việc làm tại địa phương. T3: Sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường không tìm được việc làm ít nhiều đã ảnh hưởng đến tâm lý của phụ huynh và học sinh.	<b>SO + T: Duy trì và không chế</b> S1, S3, O2, O4, O5, O6 + T1, T3: Tập huấn kết hợp đào tạo nghề và hỗ trợ vốn làm ăn để tạo việc làm tại nông hộ. S1, S2, S3 + T3: cần nâng cao nhận thức và sự quan tâm nhiều hơn đến học tập của con cái.	<b>W + T: Khắc phục và né tránh</b> W3, W6 + T3: nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc giáo dục để tạo dựng tương lai. W4, W5, W7 + T1: Đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi và đào tạo ngành nghề phù hợp cho người dân để giải quyết việc làm tại địa phương.

Nguồn: Điều tra thực tế năm 2015

Nhà trường và chính quyền địa phương cần quan tâm và hỗ trợ kịp thời đối tượng học sinh dân tộc Khmer thuộc diện gia đình kinh tế khó khăn hoặc gia đình nghèo.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu và công ty hiện có trên địa phương mở nhiều lớp đào tạo nghề phù hợp với khả năng của người dân tộc Khmer, của các đối tượng học sinh bỏ học và đồng phối hợp với công ty tạo việc làm cho các hộ không có tài sản và phương tiện sản xuất để tạo thu nhập. Mặt khác, mở nhiều lớp tập huấn để chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ và hỗ trợ vốn vay kịp thời để giúp các hộ dân tộc Khmer đa dạng hóa các

hoạt động sản xuất tại nông hộ, nâng cao thu nhập cho các hộ dân tộc Khmer.

Nhà trường và chính quyền địa phương cần phối hợp với các tổ chức giáo dục mở nhiều lớp tập huấn nhằm tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức của phụ huynh nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và giá trị của giáo dục cho con cái trong học tập và giá trị của việc học để xây dựng nghề nghiệp và sự nghiệp tương lai.

## 6 KẾT LUẬN

Sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là một vấn đề giáo dục có ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nhân lực và phát triển xã hội bền vững. Các

nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer chủ yếu là không có động cơ học tập, học lực Yếu/Kém, kinh tế khó khăn hay thu nhập thấp, cha mẹ ít quan tâm đến việc học của con cái, đông con, gia đình không hạnh phúc, bản thân học sinh bỏ học không có hoặc có rất ít thời gian đầu tư cho việc học, thiếu phương tiện học tập và sức khỏe yếu.

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là học vấn của cha và mẹ thấp, có nhiều lao động phụ thuộc, thu nhập thấp, tuổi của cha và mẹ cao, ít lao động chính, cha và mẹ phải đi làm ăn xa, tiếng Việt kém của học sinh dân tộc Khmer, thiếu sự quan tâm của cha mẹ và sức khỏe yếu của học sinh. Tuy nhiên, tuổi của cha và mẹ cao, số lao động chính ít và thu nhập thấp là 3 yếu tố chính có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer so với các yếu tố khác ở cả 3 cấp học phổ thông. Cần có các nghiên cứu sâu hơn để tìm các giải pháp khắc phục tình trạng bỏ học và kiểm soát tốt các hậu quả bỏ học của học sinh đến phát triển nguồn nhân lực và phát triển xã hội trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baruah, S.R and Goswami, U., 2012. Factors influencing school dropouts at the primary level. *International Journal of Farm Sciences* 2 (1) : 141-144.
- Bellon, M.R., 2001. *Participatory Research Methods for Technology Evaluation: A Manual for Scientists Working with Farmers*. Mexico, D.F.: CIMMYT.
- Chirteş, G., 2010. A case study into the causes of school drop out. *Acta Didactica Nopocensia*, Vol 3. No 4. [http://dppd.ubbcluj.ro/adn/article\\_3\\_4\\_3.pdf](http://dppd.ubbcluj.ro/adn/article_3_4_3.pdf). Truy cập ngày 05/04/2015.
- Cornwal, A and Jewkes, R., 1995. What is participatory research? *Elsevier Science Ltd*. Vol .1h No 12. 1667- 1676.
- Đặng Thị Hải Thơ, 2010. Nghiên cứu tài liệu nguyên nhân bỏ học ở trẻ em Việt Nam từ 11 – 18 tuổi. [http://rtccd.org.vn/wp-content/uploads/2015/08/24\\_Report-Children-dropout-VIE-final-17Nov2010.pdf](http://rtccd.org.vn/wp-content/uploads/2015/08/24_Report-Children-dropout-VIE-final-17Nov2010.pdf). Truy cập ngày 05/04/2015.
- Lê Thị Bích Ngân, 2011. Các giải pháp khắc phục tình trạng bỏ học của học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Luận văn Thạc sĩ Kinh tế. Đại Học Đà Nẵng.
- Shahidul, S. M. and Karim, A. H. M. Z, 2015. Factors contributing to school dropout among the girls: a review of literature. *European Journal of Research and Reflection in Educational Sciences*. Vol. 3 No. 2. ISSN 2056:5852.
- Simuforosa, M and Rosemary, N., 2015. Causal Factors Influencing Girl Child School Drop Out: A Case Study of Masvingo District Secondary Schools. *Journal of Educational Policy and Entrepreneurial Research (JEPER)*. Vol.2, 51-57.
- Tổng cục Thống kê, 2010. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Tại địa chỉ: <http://www.gso.gov.vn>. Truy cập ngày 02/10/2014.